



SÁNG TẠO TRUYỀN THỐNG: BỐI CẢNH VÀ Ý NGHĨA MỚI CỦA LỄ TẾ NAM GIAO ĐƯỢC PHỤC DỰNG TRONG FESTIVAL HUẾ

Phan Thị Diễm Hương

Khoa Du Lịch, Đại học Huế, Lâm Hoàng, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Lễ tế Nam Giao ở Huế vốn được biết đến là một nghi lễ được tổ chức chủ yếu dưới vương triều Nguyễn (1802–1945). Đây là nghi lễ dựa trên nền tảng tư tưởng “Thiên mệnh” của ý thức hệ Nho Giáo, theo đó vua được xem là người thừa hành mệnh Trời để cai trị dân. Sau khi vương triều Nguyễn – triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam – sụp đổ vào năm 1945, chủ thể của các thực hành nghi lễ Nho Giáo mất đi nên nghi lễ tế Nam Giao cũng không còn được tổ chức. Năm 2004, trong khuôn khổ hoạt động Festival Huế, nghi lễ tế Nam Giao đã được phục dựng nhằm thu hút khách du lịch. Bài viết này phân tích và phê bình khái niệm “sáng tạo truyền thống” qua việc xem xét cách thức nghi lễ tế Nam Giao được phục dựng trong Festival Huế với tư cách là một hoạt động du lịch di sản. Trọng tâm của bài viết là chỉ ra những thay đổi của việc phục dựng nghi lễ tế Nam Giao và những ý nghĩa đằng sau sự thay đổi đó. Chính bằng cách này, tác giả chỉ ra cách thức sáng tạo truyền thống từ nghi lễ tế Nam Giao trong Festival Huế.

Từ khóa. sáng tạo truyền thống, nghi lễ tế Nam Giao, Festival Huế

1. Sáng tạo truyền thống là gì (the invention of tradition)?

Nếu hỏi “Truyền thống là gì?” thì hầu như tất cả mọi người sẽ không ngần ngại đưa ngay ra câu trả lời, nhưng nếu hỏi tiếp ý nghĩa chính xác của truyền thống là gì thì đa phần sẽ ngần ngại. Đây chính là lý do mà chúng ta cần phải suy nghĩ xem xét lại về khái niệm truyền thống. Chẳng hạn khi nói về truyền thống của người Việt Nam, chúng ta thường nghĩ đến những yếu tố tự nhiên vốn có của người Việt như “có chung một nguồn gốc dân tộc, có truyền thống chống giặc ngoại xâm...” Bàn về truyền thống Việt Nam tức là bàn về những cái cố hữu và độc đáo hay những dấu ấn riêng của Việt Nam. Cấu trúc hay nguyên bản của Việt Nam cũng được triển khai theo hướng tương tự như vậy. Nói cách khác, truyền thống Việt Nam là những bản sắc riêng không thể tìm thấy ở bất cứ dân tộc nào hay khu vực nào khác trên thế giới. Theo quan điểm này, truyền thống là những thứ được giữ gìn liên tục và lặp lại trọn vẹn suốt một thời gian dài.

Chẳng hạn, có thể lấy một ví dụ về truyền thống đồng nhất về huyết thống của người Việt qua nghi lễ thờ cúng Hùng Vương. Nếu xem đây là một nghi lễ truyền thống mang đậm

*Liên hệ: huonghuong386@gmail.com

Nhận bài: 11-10-2017; Hoàn thành phản biện: 18-11-2018; Ngày nhận đăng: 26-11-2018

bản sắc dân tộc thì nó phải được thực hành ở tầm vóc quốc gia xuyên suốt các thời kỳ lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, trước năm 1990, lễ hội Hùng Vương chỉ là một phong tục mang tính địa phương, Đến giữa những năm 1990, lễ hội này đã được nâng lên vị thế một lễ hội quốc gia kỷ niệm sự ra đời của dân tộc. Từ năm 2000 trở đi, việc tổ chức lễ hội này càng được chính trị hóa với sự tham dự của các nhà lãnh đạo chính trị quốc gia và việc đưa tin truyền thông trên toàn quốc; kể từ 2009, đó là ngày lễ quốc gia duy nhất tại Việt Nam được tổ chức theo âm lịch (mùng mười tháng ba) [Salemink, 2013, pp. 245–246]. Từ ví dụ này, chúng ta có thể thấy “truyền thống về nguồn gốc dân tộc Việt” là một huyền thoại mới hình thành vào khoảng cuối thế kỷ 20 chứ không như chúng ta vẫn tưởng nó tồn tại một cách cố hữu từ xa xưa. Và vì chỉ mới xuất hiện gần đây nên khái niệm truyền thống là cái bất biến, được giữ gìn nguyên vẹn đến ngày nay trở nên lung lay.

Vậy sáng tạo truyền thống là gì? Nhà sử học người Anh Eric Hobsbawm cùng các học giả khác tập trung nghiên cứu hiện tượng ngày lập quốc, các nghi lễ, anh hùng và các biểu tượng xuất hiện hàng loạt ở các quốc gia châu Âu từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20. Ông gọi hiện tượng này là “sáng tạo truyền thống” và cho rằng là ý đồ tạo hiệu ứng chính trị – mang tính bản sắc nên trên thực tế có thể hoàn toàn khác biệt với sự thật lịch sử. Với những ví dụ về các trường hợp tái tạo lại hình ảnh quá khứ theo yêu cầu của thực tại ở các nước châu Âu khi bước vào thời hiện đại, ông muốn chứng minh cách thức nhà nước đã biến những truyền thống được nhào nặn ấy thành sự thật lịch sử và lợi dụng chúng để đạt được mục đích chính trị là duy trì quyền lực và đặc quyền cho nhà nước. Các nghi lễ và lễ kỷ niệm truyền thống của cộng đồng là chiến lược nhằm xây dựng bản sắc cho đất nước, đồng thời cũng được nhà cầm quyền liên tục giữ gìn và phát huy nhằm thực hiện công cuộc tập hợp và thống nhất các thành viên trong cộng đồng và xã hội (Hobsbawm và Ranger, 1983, pp. 1–14).

Nhu cầu này của nhà nước đối với quá khứ xa xưa có thể được tìm thấy ở các nước mới được thành lập hoặc có nhu cầu thay đổi. Về cơ bản, các quốc gia sau khi giành được độc lập thường dùng đến biện pháp “thần thánh hóa” đất nước của mình, xây dựng một hệ thống niềm tin đối với nhà nước nhằm tạo ra bản sắc cho dân tộc, định ra lịch đại cho nhà nước hay chỉ định các nghi thức dân tộc, quyết định thánh nhân và vùng đất thiêng.

Như vậy, về cơ bản sáng tạo truyền thống là một quá trình thực hành nghi lễ dựa vào “chất liệu quá khứ” và được thực hiện lặp đi lặp lại. Trong khi mọi truyền thống được kiến tạo ở một thời điểm nào đó, khái niệm về một “truyền thống được kiến tạo” biểu thị một kiểu truyền thống riêng biệt. Theo Eric Hobsbawm, một truyền thống được kiến tạo là một truyền thống được tạo ra trong một thời đoạn có sự biến chuyển xã hội khi những truyền thống “cũ” và những người truyền bá chúng trở nên bất lực hoặc bị bài bác, hay khi có một nhóm nào đó nỗ lực tạo ra một bước đột phá với quá khứ bằng cách cân nhắc dùng theo những lối đi cũ. Những truyền thống được kiến tạo thường được tạo tác khá nhanh. Chúng yêu cầu và ngụ ý sự tiếp nối với quá khứ và chúng tận dụng “những chất liệu cổ xưa để xây dựng những truyền

thống được kiến tạo của một kiểu thức mới vì những mục tiêu mới”³. Đây chính là cách thức mà giới cầm quyền xây dựng nền móng cho một cộng đồng nhà nước, theo cách gọi của Benedict Anderson là một “cộng đồng tưởng tượng – imagined community” – nghĩa là các thành viên của một quốc gia/dân tộc nhỏ bé nhất cũng sẽ không bao giờ biết được hầu hết các thành viên – kẻ chung nhóm với mình, gặp gỡ họ, hay thậm chí nghe về họ nhưng trong tâm thức của mỗi thành viên ấy đều có hình ảnh về sự chung đưng giữa họ với nhau và hình ảnh đó được xây dựng bởi các sáng tạo về truyền thống (Benedict, 2006, pp. 6–7).

Đối với trường hợp nghi lễ tế Nam Giao được phục dựng trong khuôn khổ hoạt động Festival Huế, vấn đề “truyền thống” trở nên phức tạp khi chính quyền địa phương muốn phục dựng nghi lễ của triều đình phong kiến trong một sự kiện hiện đại nhằm “tăng thêm hoạt động cho Festival để thu hút du khách” đồng thời cũng thực hiện chiến lược “bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc”.

2. Đánh giá của chuyên gia về vai trò của nghi lễ tế Nam Giao đối với vương triều Nguyễn (1802–1945).

Khi nhận định về vai trò của nghi lễ tế Nam Giao dưới thời kỳ vương triều Nguyễn, các chuyên gia nghiên cứu đều cho rằng, theo sử sách triều Nguyễn thì đây là nghi lễ quan trọng nhất của triều đình nhà Nguyễn. “Triều đình nhà Nguyễn quy định các lễ tế tự theo ba bậc: bậc thứ nhất là đại tự, bậc thứ hai là trung tự, bậc thứ ba là quân tự. Bậc thứ nhất là bậc quan trọng nhất. Lễ đại tự gồm các lễ tế đó là: tế Nam Giao, tế miếu trong Hoàng Thành và lễ tế Xã Tắc. Vậy lễ tế Nam Giao là lễ tế quan trọng nhất của triều đình nhà Nguyễn, xếp vị trí thứ nhất trong bậc đại tự của vương triều”¹.

Đối với các học giả, đây ba nghi lễ quan trọng bởi vì chúng minh chứng cho sự “chính danh Thiên tử” theo triết lý Nho giáo của chế độ quân chủ phong kiến. Họ đều cho rằng theo triết lý Nho giáo, ông vua luôn tự xưng mình là Thiên tử, là người được Trời giao “thiên mệnh” và có nhiệm vụ “thay Trời hành đạo”. “Quyền lực cao nhất là ông trời và chính ông vua là đại diện cho ông trời. Vì Thiên tử là con của trời. Nên đũa con trời thay mặt trời để hành đạo thì lễ tế Nam Giao như là một báo cáo với vua cha “con đang trị vì – thiên hạ – cha giúp con để con điều hòa được môi tương hợp trong xã hội để an bình, phát triển”. Đây là một báo cáo lên trời nên ông vua ông phải “ăn chay”, phải tinh sạch để tiếp cận được vua cha. Buổi lễ tế Nam Giao hay tế Xã Tắc suy cho cùng nó là vậy, là nghi lễ chính danh cho “Thiên tử”². Ngoài ra, theo Huỳnh Thị Anh Vân, việc nhà Nguyễn tổ

¹ Tài liệu phỏng vấn trực tiếp Tiến sỹ Trần Đức Anh Sơn, Phó viện trưởng Viện nghiên cứu phát triển kinh tế – xã hội Đà Nẵng, nguyên Giám đốc Bảo tàng Cổ vật cung đình Huế, tác giả kịch bản và cố vấn việc phục dựng nghi lễ tế Nam Giao trong Festival Huế 2004–2008.

² Phỏng vấn Nhà nghiên cứu văn hóa Nguyễn Hữu Thông, nguyên viện trưởng Phân viện nghiên cứu văn hóa nghệ thuật Miền Trung. Ông không trực tiếp tham gia vào việc tổ chức phục dựng hai nghi lễ tế Nam Giao và tế Xã Tắc nhưng là người tham gia

chức thực hành hai nghi lễ tế Nam Giao và Xã Tắc không chỉ để chính danh, mà còn thể hiện tư tưởng độc lập trong mối quan hệ với Trung Hoa. “Việc triều Nguyễn tổ chức tế Nam Giao với vị thế “Thiên tử” – nghi lễ mà theo quan niệm của Nho giáo Trung Quốc là không dành cho vua của nước chư hầu – đã khẳng định ý chí độc lập và tự tôn dân tộc mạnh mẽ của các vua triều Nguyễn, tiêu biểu là vua Minh Mạng. Ông chính là người đã góp phần hoàn thiện các quy chế tế đại tự một cách đầy đủ nhất dưới thời Nguyễn”³.

Có thể thấy các nghi lễ đại tự được các vua Nguyễn tiến hành một cách có chủ đích trong quá trình củng cố vương quyền, sử dụng văn hóa, đặc biệt là nghi lễ làm công cụ, như một nhà nghiên cứu đã nhận xét: “... nhà vua vừa tin vào quyền năng của thần, đồng thời cũng tự cho mình cái quyền được sai bảo các thần vì vua là con Trời (Thiên tử), cho nên vua thường ban sắc phong thần. Vì vậy, lễ hội cung đình còn bao hàm cả ý nghĩa thể hiện sự tôn vinh vương quyền”⁴.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng các học giả ngày nay nhận thức rằng hai nghi lễ tế Nam Giao và lễ tế Xã Tắc dưới thời kỳ vương triều Nguyễn chứa đựng thông điệp chính là tính chính danh của Thiên tử – Hoàng đế. Và để đảm bảo được tính chính danh Thiên tử thì việc thực hành nghi lễ phải đảm bảo các qui tắc mang tính điển chế của triết lý Nho Giáo.

Nghi lễ tế Nam Giao có ý nghĩa chính trị đặc biệt khi người ta tin rằng có sự giao hòa giữa vương quyền và thần quyền mà trong đó, vua có khả năng giao tiếp với thần linh trong quá trình thực hành nghi lễ. Vì thế, các nhà nghiên cứu đương đại đều cho rằng ý nghĩa tốt cùng của nghi lễ tế Nam Giao là Vua đại diện cho thần dân của mình để cầu mong “phong điều vũ thuận và xuôi buồm thuận gió cho người nông dân, phong đăng hòa cốc và quốc thái dân an. Đây là ba yếu tố không dành riêng cho cá nhân ông vua, không dành riêng cho cung đình, không dành riêng cho giới quý tộc mà dành “xã tắc thiên hạ”, dành cho toàn bộ thần dân trong cương vực của mình”⁵

3. Sự thay đổi bối cảnh, thực hành nghi lễ và ý nghĩa của lễ tế Nam Giao được phục dựng trong Festival Huế

Sau khi triều Nguyễn cáo chung vào năm 1945, Huế không còn giữ vai trò kinh đô của cả nước như dưới thời quân chủ. Mất đi chủ thể của các nghi lễ đại tự, vốn chỉ dành cho “Thiên tử”, các hoạt động nghi lễ tại các đàn miếu đều bị hủy bỏ, tuy vẫn còn những hình thức cúng tế

hầu hết các hội thảo khoa học đề cổ vấn cho ban tổ chức phục dựng hai nghi lễ này. Đồng thời Ông cũng là thành viên phân biện các đề tài khoa học liên quan đến chủ đề nêu trên. Cuộc phỏng vấn diễn ra ngày 25 tháng 2 năm 2017 tại Huế.

³ Phỏng vấn trực tiếp Tiến sỹ Huỳnh Thị Anh Vân, Giám đốc Bảo tàng cổ vật cung đình, Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế. Bà là thành viên thuộc ban tổ chức của việc phục dựng hai nghi lễ tế Nam Giao và tế Xã Tắc trong phát triển du lịch. Đồng thời, với tư cách là một chuyên gia nghiên cứu di sản văn hóa, bà đã xuất bản nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến hai nghi lễ tế Nam Giao và nghi lễ tế Xã Tắc. Cuộc phỏng vấn diễn ra ngày 10 tháng 2 năm 2017 tại Huế.

⁴ Phỏng vấn trực tiếp Tiến sỹ Huỳnh Thị Anh Vân, tài liệu đã dẫn.

⁵ Phỏng vấn trực tiếp Trần Đức Anh Sơn, Huỳnh Thị Anh Vân, Nguyễn Hữu Thông.

mang ý nghĩa tâm linh trong phạm vi hẹp và hoàn toàn không mang tính đại diện cho quốc gia hay quyền lực chính trị. Vì vậy, nghi lễ tế Nam Giao với ý nghĩa “chính danh Thiên tử” – biểu tượng đại diện cho chính thể chính trị quốc gia cũng không còn được tổ chức. Mãi đến năm 2004, sau gần 60 năm bị “ruồng bỏ”, nghi lễ tế Nam Giao lần đầu tiên được phục dựng trong Festival Huế và sau đó tiếp tục được phục dựng trong Festival Huế mỗi hai năm một lần.

Festival là một khái niệm hiện đại, rất mới đối với Việt Nam, được tổ chức mô phỏng theo các Festival ở Avignon và Edinburgh, nó rất khác so với lễ hội truyền thống. Đó là sản phẩm được xây dựng cho một đối tượng khách hàng xác định, trên một công nghệ tổ chức sự kiện, gồm các hoạt động xác định nhu cầu thị trường, quảng bá, tiếp thị, tìm kiếm nguồn tài trợ, tổ chức sự kiện trên cơ sở hạ tầng và kỹ thuật xác định. Đây là một lễ hội đương đại, là một loại hình văn hóa nghệ thuật đô thị hơn là các nghi lễ, gắn với tôn giáo tín ngưỡng ở các xã hội nông thôn truyền thống.

Tuy nhiên, chính phủ và chính quyền địa phương đương nhiệm đã xác định mục tiêu của Festival Huế là “*góp phần khẳng định tính đậm đà của bản sắc văn hóa Việt Nam và sự thống nhất bản sắc văn hóa trong đa dạng*” [Phan Thanh Hải, 2016, p. 75]. Vậy, làm thế nào để Festival Huế đảm đương nhiệm vụ xây dựng “bản sắc quốc gia”?

“Bản sắc quốc gia” ở đây đã được định hướng trong nghị quyết số V với tuyên bố “*xây dựng một nền văn hóa tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” của Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng sản khóa VIII, được thông qua năm 1998, chứ không phải trong luật Di sản văn hóa năm 2001 [Salemink, 2013, p. 248]. Nếu khẩu hiệu của công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước trong mục tiêu của chính sách xây dựng đất nước đến năm 2020, thường được hiểu với nghĩa là “tây phương hóa”, thì nghị quyết V đưa ra một tầm nhìn được đánh dấu bởi cụm từ “nền văn hóa tiến tiến đậm đà bản sắc dân tộc”. Tầm nhìn của quốc gia về tính hiện đại đã từ bỏ chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa với sự sụp đổ của Liên Xô và tiến tới xây dựng một nền văn hóa mang màu sắc dân tộc chủ nghĩa mang tính “vừa truyền thống – vừa hiện đại” và điều đó chính thống hóa sự tồn tại của Đảng và Nhà nước. Bản sắc – truyền thống văn hóa Việt Nam được hoạch định dựa trên sự phân biệt giữa lớp văn hóa bản địa và lớp văn hóa ngoại lai [Trần Ngọc Thêm, 1999, Tr. 38–49] hay xem văn hóa dân gian như “hồn dân tộc” [Trần Quốc Vượng, 2000] để phát triển các ý tưởng về văn hóa. *Nghị quyết trung ương V, một mặt hình thành cái ô bảo vệ cho tất cả các nỗ lực của địa phương, từ dưới lên nhằm phát minh các truyền thống của văn hóa dân gian (the invention of tradition) và đầu tư các hình thức và ý nghĩa mới cho các truyền thống này. Mặt khác, nó cũng tạo ra một cách xử lý cho Nhà nước để đòi hỏi vai trò lớn hơn trong việc tổ chức các nghi lễ và lễ hội, hoặc tạo ra các nghi lễ mới cho các truyền thống này. Đây là một trong những nỗ lực thuyết giảng về tính “đậm đà bản sắc dân tộc” của Việt Nam theo hướng rút lui khỏi tính hiện đại xã hội chủ nghĩa* [Taylor, 2001; Malarney, 2007]. Chính bối cảnh này đã mang lại tính “phù hợp” đối với việc xây

dựng “bản sắc quốc gia” của Festival Huế với chủ đề chính “*di sản văn hóa với hội nhập và phát triển*”.

Sau sự thành công của Festival 2000, 2002 và 2004, chính phủ cho phép xây dựng thành phố Huế trở thành thành phố Festival của Việt Nam và tiếp tục chỉ đạo tổ chức Festival quốc tế định kỳ 2 năm một lần. Festival Huế trở thành cầu nối giữa “truyền thống” (những thứ được xem là giá trị đặc trưng của Việt Nam) và hiện đại (giá trị toàn cầu, đặc biệt các giá trị của phương Tây) trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. Vậy nên, mặc dù rất mới và hiện đại, nhưng các chương trình trong Festival Huế luôn được định nghĩa và trình diễn theo cách “văn hóa truyền thống chân thực” với việc tái hiện hàng loạt nghi lễ cung đình như: lễ tế Nam Giao, lễ tế Xã Tắc, lễ đăng quang Hoàng đế Quang Trung... Như vậy, rõ ràng ban tổ chức (đại diện cho chính quyền nhà nước) đang cố gắng xóa bỏ bối cảnh “lịch sử” (de-contextualise) và đang tái tạo bối cảnh mới cho các hoạt động thực hành nghi lễ, lễ hội (re-contextualise) nhằm phục vụ khán giả và đồng thời khẳng định đang trình diễn một cách *chân thực* bản sắc văn hóa. Hiện tượng này được các học giả Âu – Mỹ gọi là “hậu hiện đại” (postmodern) [Salemink, 2007, p. 560].

Quay trở lại với trường hợp nghi lễ tế Nam Giao được phục dựng trong Festival Huế. Nghi lễ tế Nam Giao, như đã phân tích ở mục 2, có ý nghĩa “chính danh” Thiên tử, đại diện cho sự kết nối giữa vương quyền và thần quyền. Vì vậy, việc phục dựng lễ tế Nam Giao trong Festival Huế cũng tạo ra sự liên tưởng với ý niệm “thế giới bên kia” của chính thể hiện tại. Sự tham gia làm lễ của lãnh đạo địa phương trong các lễ tế Nam Giao được phục dựng năm 2008, 2010, 2012 và vai trò chủ tế trong lễ tế Nam Giao 2014 đã đặt chính thể hiện tại trong một vị trí tương tự với các vị vua triều Nguyễn. Tuy nhiên, chính thể hiện tại là chủ nhân chiến thắng của cuộc cách mạng đánh đổ phong kiến, họ tuyên bố không tin vào các thế lực thánh thần, và họ cũng đánh giá triều Nguyễn là triều đại “bán nước cho thực dân Pháp” nên việc “phô diễn” sự “chính danh chính trị” bằng sự phục dựng nghi lễ tế Nam Giao đã được cân nhắc, đắn đo rất kỹ lưỡng. Điều này được phản ánh bằng thái độ e ngại của lãnh đạo địa phương khi tổ chức phục dựng nghi lễ tế Nam Giao.

Lễ tế Nam Giao trong Festival 2004 chỉ được phục dựng một phần với tên gọi Ngự đạo hồi cung⁶ – tức là phục dựng đoạn nhà vua trở về từ sau khi tế Nam Giao như một cuộc diễu hành đường phố nhằm phục vụ du khách chứ không phải là một nghi lễ mang tính tâm linh. Đến Festival 2006, chính quyền địa phương xin phép với chính quyền trung ương để tổ chức nghi lễ tế Nam Giao một cách đầy đủ cả phần Lễ và phần Hội và đã được đồng ý. Để thực hiện phần nghi lễ thì buộc phải có người đóng vai vua nên “*ban tổ chức mà đại diện là Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế đã viết kịch bản và mời lãnh đạo Trung ương – chính quyền Hà Nội là tổng bí thư*

⁶ Phòng văn trực tiếp Trần Đức Anh Sơn, tài liệu đã dẫn.

là ông Nông Đức Mạnh sẽ tế Nam Giao. Sau đó phía Trung Ương không đồng ý nên giám đốc Trung tâm bảo tồn yêu cầu sửa kịch bản để cử ông Hồ Xuân Mãn – bí thư tỉnh ủy là người tế Nam Giao, nhưng sau đó lãnh đạo địa phương cũng không đảm nhận. Cuối cùng, một nghệ sỹ được chọn để đóng vai vua trên đàn tế. Nghệ sỹ đóng vai vua phải đảm bảo các tiêu chuẩn đó là: nghệ sỹ ưu tú – nghệ sỹ nhân dân, là đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, phải có lý lịch rõ ràng, trong sáng và phải không phải là người của Nguyễn Phước Tộc⁷. Từ Festival 2006, lễ tế Nam Giao được phục dựng như một hoạt động nhằm “thu hút du khách” với “lực lượng tham gia chính là nghệ sỹ thuộc nhà hát truyền thống cung đình Huế, kể cả đóng vai chủ tế là Vua”⁸.

Tuy không tham gia với vai trò “chủ tế” nhưng lãnh đạo địa phương trực tiếp tham gia làm lễ như những người “đại diện cho quần chúng” khi thực hành lễ tế Nam Giao. “Trong khi tham dự nghi lễ, bí thư, chủ tịch mặc áo màu vàng – màu biểu trưng cho Hoàng đế, đồng thời có sự phân biệt màu sắc đối với áo mặc của các quan chức địa phương khi tham dự nghi lễ”⁹. Đến lễ tế Nam Giao trong Festival 2014, có sự thay đổi trong nghi lễ tế Nam Giao đáng chú ý, đó là việc lãnh đạo địa phương tham gia với vai trò chủ tế và không tổ chức đoàn ngự đạo làm lễ rước vua xuất cung hay hồi cung (diễu hành trên đường phố) như những năm trước mà chỉ tập trung vào phần nghi thức tế tại đàn Nam Giao.

Xét về vai trò tính chính thống của chủ tế và tiến trình thực hành nghi lễ, đây là một sự chuyển biến lớn trong mục đích tổ chức nghi lễ của chính quyền địa phương. Mục đích của việc phục dựng nghi lễ tế Nam Giao trong những Festival trước được giới lãnh đạo và ban tổ chức công bố là “để có thêm hoạt động cho Festival nhằm thu hút du khách, phục vụ phát triển du lịch”¹⁰ nay chuyển hướng với mục đích “thể hiện nghi thức truyền thống nhưng có phần đơn giản hóa”¹¹. Vậy, nghi lễ tế Nam Giao được phục dựng là một hình thức tái hiện di sản phi vật thể để phục vụ du lịch hay nó thực sự là một nghi lễ tâm linh – chính trị (politico-religious cosmology)? Thông điệp đằng sau bức rèm của nghi lễ được phục dựng là gì? Thông điệp ẩn dấu sau các nghi lễ được phục dựng là câu chuyện lịch sử được xây dựng bằng cách loại bỏ những tình tiết lịch sử vốn có qua quá trình lựa chọn và sắp xếp để tạo nên một câu chuyện có ý nghĩa riêng biệt [Salemlink, 2007, p. 561]. Nói cách khác, sáng tạo truyền thống văn hóa là cách thức lựa chọn từ lịch sử những sự kiện phù hợp để tạo nên một câu chuyện về sự tiếp nối truyền thống [Hobsbawm và Ranger, 1983]. Vì vậy, việc phục hồi các nghi lễ truyền thống là mảnh đất màu mỡ cho sự phát triển của các nghi lễ mới và chính quyền Nhà nước đang mượn ý nghĩa của chúng để tạo sự chính danh [Salemlink, 2007, p. 562].

⁷ Phỏng vấn trực tiếp Trần Đức Anh Sơn, tài liệu đã dẫn.

⁸ Phỏng vấn trực tiếp Huỳnh Thị Anh Vân, tài liệu đã dẫn.

⁹ Phỏng vấn trực tiếp Trần Đức Anh Sơn, tài liệu đã dẫn.

¹⁰ Phỏng vấn trực tiếp Trần Đức Anh Sơn, tài liệu đã dẫn.

¹¹ Phỏng vấn trực tiếp Huỳnh Thị Anh Vân, tài liệu đã dẫn.

Áp dụng cách lý giải này đối với nghi lễ tế Nam Giao được phục dựng trong Festival Huế sẽ giúp chúng ta hiểu được từ việc e ngại trong công khai mục đích chính trị đến việc trực tiếp đảm nhiệm vai trò chủ tế với vai trò đại diện tâm linh cho tầng lớp quần chúng nhân dân, thực hành nghi lễ chỉ chú trọng hướng đến xây dựng bản sắc văn hóa Huế phù hợp với hình ảnh bản sắc dân tộc. Lễ tế Nam Giao vốn là nghi lễ tế Trời – Đất chỉ dành cho Thiên tử với ý nghĩa chủ yếu là chính danh trong Nho Giáo. Giờ đây nhà cầm quyền đương đại tạo nên một trục kết nối huyết thống của một quốc gia dựa trên ý niệm về thần thánh trong thời đại của chế độ quân chủ.

3. Kết luận

Nghi lễ tế Nam Giao được phục dựng trong Festival Huế từ năm 2004 đến nay được thay đổi dần trong cách phục dựng. Ban đầu nghi lễ tế chỉ được phục dựng phần Hội để phục vụ phát triển du lịch, sau đó được phục dựng đủ cả phần Lễ và phần Hội và trong những lần gần đây chỉ được phục dựng phần nghi lễ tại Đàn Nam Giao với sự tham gia của lãnh đạo địa phương với vai trò chủ tế nhằm hướng đến hoạt động tâm linh của người dân địa phương và du khách. Rõ ràng, đây không phải là cái kết được dự tính bởi ban tổ chức từ trước Festival Huế lần thứ nhất. Thật sự, có lẽ ban tổ chức đã rất bối rối trong cách thức phục dựng nghi lễ. Trong quá trình thay đổi kịch bản của ban tổ chức, lãnh đạo địa phương và trung ương đang tiến từng bước trên con đường “gắn” biểu tượng chính trị cho nghi lễ Nam Giao. Thông qua việc phục dựng nghi lễ tế Nam Giao, tính biểu tượng của nghi lễ chính trị này trong quá khứ đang tiếp diễn ở xã hội đương đại. Hình thức nghi lễ Nam Giao được phục dựng tập trung vào việc thay đổi đối tượng đóng vai trò chủ tế đã từng bước “xã hội hóa nghi lễ”, biến nghi lễ phục dựng thành một “nghi lễ sống” với sự chấp nhận rộng rãi của cộng đồng. *“Trong nghi lễ tế Nam Giao được phục dựng hiện nay, có bổ sung thêm các bài vị thờ “Việt Nam lịch đại đế vương”, “Việt Nam lịch đại huân công anh hùng liệt sỹ”. Lễ tế Nam Giao hiện nay đang có xu hướng kết hợp với tín ngưỡng dân gian theo ý nghĩa “uống nước nhớ nguồn”, tưởng nhớ và tôn vinh những người có công với nước với dân đã được xã hội hiện đại công nhận, đưa đôi tượng là anh hùng, liệt sỹ vào thờ ở Viên Đàn. Lễ tế Nam Giao đã không còn quá tách biệt với dân chúng như dưới thời quân chủ mà đang trở thành nghi lễ của cộng đồng”*¹².

Như vậy, nghi lễ tế Nam Giao được phục dựng trong Festival Huế được mô tả ở trên đã đóng góp vào việc xây dựng bản sắc quốc gia (construction of national identity) bằng việc vẽ ra một bức tranh của sự chia sẻ, tiếp nối trong những thực hành nghi lễ nhằm tạo nên những giá trị nhận biết chung cho cộng đồng đương đại. Tất nhiên, chính quyền nhà nước hiện tại không

¹² Phỏng vấn trực tiếp Huỳnh Thị Anh Vân, tài liệu đã dẫn.

tạo sự “chính danh” của họ bằng cách kết nối trực tiếp với triều đại phong kiến cuối cùng trước cách mạng mà đang sử dụng những chất liệu quá khứ của nghi lễ để tạo nên một thứ bản sắc quốc gia của chính thể đương đại.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Thanh Hải (2016). Đồng hành qua chín kỳ tổ chức Festival Huế. *Diễn đàn đối thoại sử học năm 2016 “Hành trình Festival Huế (2000–2016) và giải pháp phát triển*. Huế, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội khoa học lịch sử Thừa Thiên Huế, Tr. 75.
2. Trần Ngọc Thêm (2016). *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tương lai*. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn hóa văn nghệ, Tr. 38–49.
3. Trần Quốc Vương (2000). *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*. Hà Nội: Văn hóa dân tộc.
4. Benedict, A (2006). *Imagined Communities: Reflection on the Origin and Spread of Nationalism*. London, New York: Verso, pp. 6–7.
5. Hobsbawm, E. & Ranger, T. eds (1983). *The invention of tradition*. Cambridge: Cambridge University Press, pp. 1–14.
6. Malarney, S. K (2007). Festivals and the politics of the exceptional dead in Vietnam. *Journal of Southeast Asian Studies*.
7. Salemink, O (2007). The Emperor’s new clothes: Re-fashioning ritual in the Hue’s Festival. *Journal of Southeast Asian Studies*, Volume 38 (3), pp. 560–561.
8. Salemink, O (2013). The ‘heritagization’ of culture in Vietnam: Intangible cultural heritage between communities, state and market. *Việt Nam học: Kỳ yếu hội thảo quốc tế lần thứ tư, 2* (Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững), pp. 245–
9. Taylor, P (2001). Fragments of the Present: Searching for modernity in Vietnam’s South. *Journal of Southeast Asian Studies*, 38(3), pp. 515–540.

INVENTION OF TRADITION: THE CHANGING CONTEXT, PERFORMANCE, AND MEANING OF NAM GIAO RITUAL IN FESTIVAL HUE

Phan Thi Diem Huong

School of Hospitality and Tourism, Hue University, Lam Hoang St., Hue, Vietnam

Abstract: The Nam Giao ritual in Hue used to be a sacrifice organized under the Nguyen dynasty (1802–1945). The ritual was based on the “Heaven’s mandate” ideology of Confucianism, upon which the Empe-

ror was empowered by God to rule the country. After the Nguyen dynasty collapsed in 1945 and the emperor as a subject of the ritual was gone, the practice of the Nam Giao ritual was cancelled. In the year 2004, the Nam Giao ritual was revived and introduced as an important ritual part of Hue Festival to attract tourists. This paper intends to develop a critical view on the invention of tradition manifested through the revival of the Nam Giao ritual in Hue Festival as a part of heritage tourism. Attention would be given to how the Nam Giao ritual was revived by local authorities and the meaning behind this revival.

Keywords: invention of tradition, Nam Giao ritual, Festival Hue